TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH BÌNH** ----------	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/DS-ST
Ngày 02-7-2020
V/v " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH BÌNH
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Phiếu.

- Ông Phan Văn Hương.

Thư ký phiên toà: Bà Đinh Trần Thanh Xuân - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 27/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số**:** 03/2020/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Phân Lân Ninh Bình.

Địa chỉ: Xã Ninh An, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Mạnh N, sinh năm 1966 - Chức vụ: Giám đốc Công ty Cổ phần Phân Lân Ninh Bình.

*Người đại diện theo ủy quyền:*Ông Dương Như Đ, sinh năm 1980- Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Phân Lân Ninh Bình. (Theo văn bản ủy quyền số 1669/UQ-PL ngày 03/12/2019). Ông Đức có mặt.

2. Bị đơn: Hội Nông dân Thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Địa chỉ: Phố H, Thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình (Thuộc khuôn viên trụ sở của UBNDThị trấn N)

Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1986 - Chủ tịch Hội Nông dân Thị trấn N. BàL có mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1962. Trú tại: Phố T,Thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt

4. Người làm chứng:

-Ông Nguyễn Trung Th, sinh năm 1955

Địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Có mặt.

-Ông Nguyễn Hồng Th, sinh năm 1962

Địa chỉ: Phố Đ,Thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

- Bà Lê Thị L, sinh năm 1958

Địa chỉ: Phố T,Thị trấn N, huyện N. Có mặt

-Bà Vũ Thị B, sinh năm 1958

Địa chỉ: Phố P,Thị trấn N, huyện N. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 12 năm 2019, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:Ông Dương Như Đ trình bày:

Công ty cổ phần phân lân Ninh Bình (sau đây gọi tắt là Công ty Phân lân Ninh Bình) vàHội Nông dân Thị trấn N đã ký kết 02 hợp đồng vay vốn bằng phân bón. Cụ thể: Hợp đồng số 1256/HĐ-PL vào ngày 01/11/2010(02 phụ lục HĐ là 1803 và 2052); Hợp đồng số 428/HĐ-PL ngày 20/6/2011 (02 phụ lục HĐ là 1803 và 2052).

Theo thỏa thuận trong Hợp đồng: Công ty Phân Lân Ninh Bình choHội Nông dân Thị trấn N vay vốn bằng phân bón do công ty sản xuất để phục vụ sản xuất vụ Đông Xuân năm 2010 – 2011 và vụ mùa năm 2011. Phương thức thanh toán là: Tiền mặt và chuyển khoản qua ngân hàng.Hội Nông dân Thị trấn N sẽ được hưởng chiết khấu thương mại chi tiết theo các phụ lục hợp đồng. Sau khi ký hợp đồng từ tháng 01/11/2010 đến 30/10/2011 Công ty Phân Lân Ninh Bình đã bàn giao choHội Nông dân Thị trấn N các loại phân bón NPK Ninh Bình với tổng khối lượng là 351 tấn có giá trị tính thành tiền là: 1.248.190.000đ(Một tỷ hai trăm bốn mươi tám triệu một trăm chín mươi nghìn đồng). (Trong đó vụ Đông Xuân 2010-2011 giao 221 tấn có giá trị: 722.045.000 đồng; vụ mùa năm 2011 giao 130 tấn có giá trị: 526.145.000 đồng). Thời gian thanh toán hoàn vốn cho công ty chậm nhất không quá ngày 30/6/2011 đối với Hợp đồng số 1256/HĐ-PL và không qua ngày 30/11/2011 đối với Hợp đồng số 428/HĐ-PL.

Về thực hiện nghĩa vụ củaHội Nông dân Thị trấn N:

** Đối với hợp đồng 1256/HĐ-PL(vụ Đông Xuân 2010-2011)*: Sau khi giảm trừ các khoản chiết khấu thương mại, chi phí tự vận chuyển và chi phí lưu kho là 24.935.000 đồng thìHội Nông dân Thị trấn N có trách nhiệm phải thanh toán trả cho công ty Phân lân Ninh Bình số tiền là 722.045.000đồng. Tháng 7 và tháng 8 năm 2011Hội Nông dân Thị trấn N đã thanh toán cho Công ty phân lân Ninh Bình số tiền là 590.000.000 đồng. Tháng 10 và tháng 11 năm 2011 Hội nông dân Thị trấn đã thanh toán cho công ty Phân lân Ninh Bình số tiền là 49.000.000 đồng. Như vậy tính đến nayHội Nông dân Thị trấn N còn nợ số tiền của Công ty Phân lân Ninh Bình theo hợp đồng số 1256/HĐ-PL(vụ Đông Xuân năm 2010 – 2011) là 83.045.000 đồng.

** Đối với hợp đồng số 428/HĐ-PL(vụ Mùa năm 2011):* Sau khi giảm trừ các khoản chiết khấu thương mại, chi phí tự vận chuyển và chi phí lưu kho là 18.405.000 đồng thìHội Nông dân Thị trấn N phải thanh toán trả cho Công ty Phân lân Ninh Bình số tiền là 526.145.000 đồng. Tháng 3/2012Hội Nông dân Thị trấn N đã thanh toán cho Công ty số tiền là 10.000.000 đồng. Như vậy tính đến nayHội Nông dân Thị trấn N chưa thanh toán cho Công ty Phân lân Ninh Bình là 516.145.000 đồng theo hợp đồng số 1256/HĐ-PL (vụ mùa năm 2011).

Tổng số tiền màHội Nông dân Thị trấn N chưa thanh toán Công ty Phân lân Ninh Bình của hai hợp đồng 1256/HĐ-PL và 428/HĐ-PL (vụ Đông Xuân năm 2010-2011 và vụ mùa năm 2011) là: 599.190.000 đồng.

Mặc dù Công ty Cổ phần phân lân Ninh Bình đã nhiều lần có văn bản đôn đốc cũng như trực tiếp yêu cầuHội Nông dân Thị trấn N phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty số tiền còn nợ là 599.190.000 đồng. Tuy nhiênHội Nông dân Thị trấn N không thực hiện.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty cổ phần Phân lân Ninh Bình. Công ty yêu cầu Tòa án giải quyết buộcHội Nông dân Thị trấn N phải có nghĩa vụ trả toàn bộ số nợ gốc là 599.190.000 đồng cho Công ty cổ phần Phân lân Ninh Bình. Về lãi xuất của khoản nợ Công ty không yêu cầu.

Ý kiến của bà Phạm Thị L – đại điện theo pháp luật của bị đơn được thể hiện qua bản tự khai, trong biên bản họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và biên bản hòa giải tại Tòa án và tại phiên tòa thể hiện: Ban chấp hành Hội Nông dân Thị trấn N nhiệm kỳ 2007 – 2012 không có chủ trương ký Hợp đồng vay vốn bằng phân bón với Công ty Cổ phần Phân Lân Ninh Bình. Tuy nhiên tại nhiệm kỳ này Bà Nguyễn Thị N là chủ tịch hội nông dân của Thị trấn N đã tự ý thực hiện ký hợp đồng trên với Công ty phân lân Ninh Bình và còn nợ số tiền 599.190.000 đồng. Trong quá trình ký và thực hiện hợp đồng bà Như cũng không báo cáo với Đảng ủy, Ủy ban nhân dânThị trấn N và Ban chấp hànhHội Nông dân Thị trấn N. Sau khi bà Như không giữ chức chủ

tịch hội nông dân cũng không bàn giao lại cho người kế nhiệm. Vì vậy Hội Nông dân Thị trấn N không có nghĩa vụ phải thanh toán số nợ trên cho Công ty CP Phân Lân Ninh Bình. Bà L đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết để đảm bảo quyền lợi choHội Nông dân Thị trấn N.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị N: Thể hiện qua bản tự khai ngày 16/12/2019 và các biên bản làm việc tại Tòa án: Năm 2010 bà được giữ chức vụ Chủ tịchHội Nông dân Thị trấn N. Được sự chỉ đạo của Hội Nông dân huyện N chỉ đạoHội Nông dân Thị trấn N ký mua phân lân trả chậm cho hội viên. Khi đó Doanh nghiệp tư nhân Nam Láng là hội viên Nông dânThị trấn N nênHội Nông dân Thị trấn N đã cung cấp phân lân cho Doanh nghiệp tư nhân Nam Láng. Tuy nhiên do Doanh nghiệp tư nhân Nam Láng làm ăn thua lỗ nên không thanh toán được choHội Nông dân Thị trấn N. Khi bà không giữ chức chủ tịch hội nông dân thì bà chỉ bàn giao lại con dấu còn giấy tờ sổ sách bà không bàn giao lại mà bà vẫn giữ. Quan điểm của bà là khoản nợ 599.190.000 đồng là của tập thể Hội Nông dân Thị trấn N, vì thời điểm ký hợp đồng với Công ty CP phân lân Ninh Bình là việc của tập thể, có triển khai tập thể. Nay trách nhiệm thanh toán khoản nợ trên là củaHội Nông dân Thị trấn N. Bà cũng sẽ có trách nhiệm đôn đốc Doanh nghiệp tư nhân Nam Láng để doanh nghiệp thanh toán nợ choHội Nông dân Thị trấn N.

Ý kiến của người làm chứng:

-Ông Nguyễn Trung Th: Thể hiện tại bản tự khai ngày 13/02/2020 và tại phiên tòa, cụ thể: Thời điểm năm 2011 ông là Phó chủ tịch Hội nông dân huyện N, ông xác nhận thời điểm đó có việc Công ty Cổ phần phân lân Ninh Bình về làm việc với Hội nông dân huyện N cho Hội nông dân của các xã trên địa bàn huyện mua phân bón trả chậm của Công ty. Hội nông dân huyện N đã xem xét bảo lãnh tín chấp cho hội nông dân của các xã có nhu cầu.Hội Nông dân Thị trấn N có ký hợp đồng với Công ty phân lân Ninh Bình lấy phân lân về bán trả chậm cho từng hội viên của hội nông dân, còn việc triển khai cụ thể như nào thì ông không nắm được. Ông cũng không biết việc nợ nần gì giữa Công ty phân lân Ninh Bình với Hội Nông dân Thị trấn N. Việc khởi kiện của Công ty phân lân Ninh Bình vớiHội Nông dân Thị trấn N ông đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

-Ông Nguyễn Hồng Th: Thể hiện tại bản tự khai ngày 10/02/2020: Thời điểm năm 2011 ông là cán bộ Hội nông dân huyện N, ông xác nhận thời điểm đó có việc Công ty CP phân lân Ninh Bình về làm việc với Hội nông dân huyện N cho Hội nông dân của các xã trên địa bàn huyện mua phân bón trả chậm của Công ty. Còn sau đó việc triển khai cụ thể ở Hội nông dân các xã như nào thì ông không nắm được. Việc Hội Nông dân Thị trấn N còn nợ Công ty CP phân lân Ninh Bình số tiền 599.190.000 đồng, ông đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

-Bà Vũ Thị B: Thể hiện tại bản tự khai ngày 13/02/2020: bà xác nhận thời điểm trên bà làm trong Hội Nông dân Thị trấn N cùng bà N. Mọi công việc triển khai của hội nông dân bà không tham gia. Có vài lần bà Như nhờ bà đi nhận phân bón thay cho bà N thì bà đi nhận hộ, còn chuyện tiền nong như nào bà không biết. Nay bà đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết việc Hội Nông dân Thị trấn N còn nợ Công ty CP phân lân Ninh Bình số tiền 599.190.000 đồng.

- Bà Lê Thị L: Thể hiện tại bản tự khai ngày 13/02/2020 và tại phiên tòa: Thời điểm năm 2011 bà là giám đốc Doanh nghiệp tư nhân Nam Láng. Thời gian đó Doanh nghiệp tư nhân Nam Láng có lấy phân bón trực tiếp từ bà N là chủ tich Hội Nông dân Thị trấn N. Tuy nhiên do làm ăn thua lỗ nên năm 2011 bà không đủ khả năng thanh toán số tiền đã lấy phân bón từ bà N. Việc Hội nông dân huyện N và Hội Nông dân Thị trấn N triển khai kế hoạch công việc như nào bà không nắm được, bà chỉ biết mọi việc bà đều làm việc trực tiếp với bà Như. Bà đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Ngày 05/12/2019 Tòa án nhân dân huyện N đã thụ lý vụ án về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo đơn khởi kiện của Công ty Cổ phần phân lân Ninh Bình.

Qua nhiều lần hòa giải các bên vẫn không đi đến thống nhất được các vấn đề của vụ án vì vậy vụ án được đưa ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm và không hòa giải được với nhau.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N có quan điểm:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có địa chỉ tại Thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Toà án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết tranh chấp là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 BLTTDS 2015. Việc thụ lý vụ án đúng quy định của pháp luật.

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tòa án xác định quan hệ "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" là đúng theo quy định Khoản 3 Điều 26 BLTTDS là chính xác.

- Việc xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã xác định nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đảm bảo và đúng quy định Điều 68, 69 BLTTDS.

- Thời hạn gửi hồ sơ, văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát đảm bảo quy định của pháp luật, việc tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật TTDS.

- Phiên họp kiểm tra tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thực hiện đúng quy định tại các Điều 208, 209, 210, 211 BLTTDS.

- Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 BLTTDS. Các tài liệu là bản sao đều có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 203 BLTTDS 2015, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo về hình thức, nội dung.

** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa:*

- Phiên tòa hôm nay diễn ra theo thời gian với thành phần Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đúng như trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Tại phiên toà hôm nay Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của BLTTDS 2015.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. (Đúng quy định tại các điều 70, 71, 72, 73, 78 và điều 234 BLTTDS).

Việc thực hiện nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí: Ngay sau khi có thông báo của TA, trong thời hạn quy định nguyên đơn đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm và biên lai cho TA theo đúng quy định tại Điều 146, Điều 195 BLTTDS.

Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan làBà Nguyễn Thị N vắng mặt có đơn đề nghị xử vắng mặt. căn cứ vào quy định tại điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Các điều: Điều 357; 468; 463, 466 Bộ luật dân sự 2015;

Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của Công ty cổ phần phân lân Ninh Bình.

2. BuộcHội Nông dân Thị trấn N, huyện N phải thanh toán số tiền nợ 599.190.000 đồng cho Công ty CP Phân Lân Ninh Bình.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:Hội Nông dân Thị trấn N, huyện N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật là 27.967.600 đồng. Trả lại cho Nguyên đơn là Công ty Cổ phần phân lân Ninh Bình số tiền 13.983.800 đồng số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án: Tranh chấp về Hợp đồng Dân sự theo quy định của pháp luật về Dân sự, cụ thể: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là Hội Nông dân Thị trấn N có địa chỉ tại Thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Do vậy căn cứ khoản Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

- Về hình thức, nội dung đơn khởi kiện đúng theo quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 cần được xem xét giải quyết.

- Về sự vắng mặt của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị N có đơn xin xử vắng mặt, trong hồ sơ có đầy đủ ý kiến của bà N vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bà N là đảm bảo quy định của pháp luật.

[2]. **Về nội dung:** *Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập và xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:*

- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Công ty Phân Lân Ninh Bình yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Hội Nông dân Thị trấn N phải có nghĩa vụ trả toàn bộ số nợ của hai hợp đồng đã ký kết là hợp đồng số 1256/HĐ-PL ký ngày 01/11/2010 và Hợp đồng số 428/HĐ-PL ký ngày 20/6/2011, với tổng số tiền gốc là 599.190.000 đồng, không tính lãi, cho Công ty cổ phần Phân lân Ninh Bình.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và kết quả tranh luận tại phiên toà, xét thấy:

Việc vay vốn bằng phân lân giữa Hội Nông dân Thị trấn N và Công ty phân lân Ninh Bình được lập thành văn bản thông qua việc ký kết hai hợp đồng: Hợp đồng số 1256/HĐ-PL ký ngày 01/11/2010 và Hợp đồng số 428/HĐ-PL ký ngày 20/6/2011. Hai hợp đồng trên được lập trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, thiện trí, ngay thẳng và không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Chủ thể tham gia ký kết hợp đồng là đại diện của Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình và đại diệnHội Nông dân Thị trấn N. Như vậy, về hình thức và nội dung thì hợp đồng vay vốn trên không trái các Điều 389, Điều 401, Điều 408, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Do vậy hợp đồng vay vốn số 1256/HĐ-PL ký ngày 01/11/2010 và số 428/HĐ-PL ký ngày 20/6/2011 có hiệu lực.

Về quá trình thực hiện hợp đồng: Công ty Cổ phần phân lân Ninh Bình đã thực hiện đúng các nghĩa vụ chuyển giao tài sản về số lượng, chủng loại và thời gian cho Hội Nông dân Thị trấn N. Tuy nhiênHội Nông dân Thị trấn N đã không thực hiện đúng và đầy đủ như đã giao kết trong hợp đồng dẫn đến việc còn nợ lại số tiền 599.190.000 đồng như đơn khởi kiện của Công ty.(Thể hiện qua giấy báo nợ, biên bản đối chiếu xác nhận nợ từ bút lục số 10 đến bút lục số 34).

Như vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc Hội Nông dân Thị trấn N phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ còn lại cho nguyên đơn là 599.190.000 đồng là có căn cứ.

Về nghĩa vụ trả nợ: Đối với ý kiến của bà Phạm Thị L là đại diện theo pháp luật của Hội Nông dân Thị trấn N cho rằng đây là trách nhiệm cá nhân của bà N chứ không phải của Hội Nông dân Thị trấn N, sau khi bà N thôi không giữ chức chủ tịch hội thì không bàn giao lại khoản nợ cho người kế nhiệm. Hội đồng xét xử thấy rằng: Chủ thể tham gia ký kết Hợp đồng vay vốn của hai bên đều được ký với tư cách đại diện. Cụ thể tại hai hợp đồng số 1256/HĐ/PL và hợp đồng số 428/HĐ-PL thì Bà Nguyễn Thị N ký đại diện bên B với tư cách đại diện của hội nông dân có con dấu của Hội Nông dân Thị trấn N chứ không phải tư cách cá nhân bà N. Mặt khác tại đơn xin vay vốn bằng phân bón của Hội Nông dân Thị trấn N đều có xác nhận của UBNDThị trấn N (Bút lục 05, 06). Tại biên bản làm việc về việc thu hồi công nợ từ bút lục 11 đến bút lục 34 thì đều có xác nhận nợ của đại diện hội nông dân qua các thời kỳ. Từ những chứng cứ trên có thể thấy rằng việc ký kết hợp đồng và nghĩa vụ là của Hội Nông dân Thị trấn N chứ không phải của cá nhân Bà Nguyễn Thị N.

Đối với ý kiến của bà L cho rằng việc bà N khi không giữ chức chủ tịch Hội Nông dân Thị trấn N thì không bàn giao sổ sách và công nợ. Xét đây là công việc quản lý hành chính và cách thức quản lý của Hội nông dân nên không

phải là căn cứ để xem xét trách nhiệm cá nhân của Bà Nguyễn Thị N trong vụ án này.

Nếu sau này Hội Nông dân Thị trấn N có đủ căn cứ cho rằng bà N phải có trách nhiệm với khoản nợ của Hội nông dân và Hội Nông dân Thị trấn N có yêu cầu khởi kiện sẽ được xem xét giải quyết thành vụ án dân sự riêng.

Đối với ý kiến của Bà Nguyễn Thị N cho rằng hiện nay Doanh nghiệp tư nhân Nam Láng(đại diện là bà Nguyễn Thị L) vẫn còn nợ Hội Nông dân Thị trấn N số tiền đã lấy phân lân từ Hội Nông dân Thị trấn N là 599.190.000 đồng (bà L cũng thừa nhận vấn đề này). Xét đây là quan hệ dân sự riêng giữa Hội Nông dân Thị trấn N và bà L. Nếu sau này Hội Nông dân Thị trấn N có yêu cầu khởi kiện sẽ xem xét giải quyết thành vụ án riêng.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Phân lân Ninh Bình là có căn cứ cần chấp nhận.

Về lãi suất của khoản tiền mà Hội Nông dân Thị trấn N còn nợ: Do nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí:

- Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn lại tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

- Hội Nông dân Thị trấn N phải chịu án phí dân sự theo quy định.

[4]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228, 266, 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các Điều 388, 389, 401, 402, 405, 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

Các Điều 357; 463, 466; 468, 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Phân Lân Ninh Bình. Buộc Hội Nông dân Thị trấn N phải thanh toán số tiền còn nợ cho Công ty Cổ phần Phân Lân Ninh Bình là: 599.190.000 đ (Năm trăm chín mươi chín triệu một trăm chín mươi chín nghìn đồng).

Kể từ ngày Công ty cổ phần Phân lân Ninh Bình có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền mà Hội Nông dân Thị trấn N phải thi hành cho đến khi thi hành xong hàng thángHội Nông dân Thị trấn N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch :

-Hội Nông dân Thị trấn N phải chịu là là 27.967.600 đồng.

- Trả lại cho Công ty Cổ phần phân lân Ninh Bình số tiền 13.983.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0000385 ngày 05 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

3. Quyền kháng cáo: Công ty Cổ phần Phân Lân Ninh Bình, Hội Nông dân Thị trấn N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bà Nguyễn Thị N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Ninh Bình*
- *VKSND huyện N*
- *THADS huyện N*
- *Đương sự;*
- *Lưu HS./.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hương Quỳnh